TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:03/2020/HNGĐ-ST Ngày: 30-3-2020. V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phú

Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Trường T, sinh năm: 1989;

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn V, sinh năm:1987;

Nơi cư trú: Số 437B, ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2020, các bản khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

Nguyên đơn chị Phan Thị Trường T và bị đơn anh Đỗ Văn V cùng trình bày: Chị T và anh V, không có tìm hiểu nhau, được gia đình mai mối và thống nhất tổ chức đám cưới vào năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cải nên đã ly thân vào tháng 01/2019, sau khi ly thân thì anh chị có gặp mặt để hàn gắn nhưng không được do không còn tình cảm với nhau nữa. Về con chung có 02 người tên Đỗ Phan Mỹ N, sinh ngày 16/9/2012 và Đỗ Phan Đăng K, sinh ngày 04/3/2016. Về tài sản chung không có và Nợ chung không có nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Nguyên đơn chị Phan Thị Trường T yêu cầu: Ly hôn với anh V, con chung hai anh chị thỏa thuận giao cháu Mỹ N cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Đăng K cho anh V nuôi dưỡng, anh chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con, tài sản và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn V yêu cầu: Không thống nhất ly hôn với chị T do còn thương vợ muốn hàn gắn lại sống để nuôi con. Về con chung thống nhất theo yêu cầu của chị T, tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa chị Phan Thị Trường T trình bày: Chị và anh V là tự nguyện kết hôn, sống chung với gia đình cha mẹ chồng, do bận đi làm nên không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mâu thuẫn giữa chị và anh V là do vấn đề tài chính, vợ chồng không chia sẽ, hiện nay chị đang sống ở nhà cha mẹ ruột và mua bán online tại nhà.

Tại phiên tòa anh Đỗ Văn V trình bày: Anh và chị T không có mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay anh đang làm ruộng và nuôi cha mẹ già đang bị bệnh nặng cần người chăm sóc, anh yêu cầu chị T cho anh cơ hội sửa đổi để cùng nhau nuôi dưỡng con. Về con chung thống nhất giao cháu Mỹ N cho chị T nuôi dưỡng và yêu cầu được nuôi cháu Đăng K, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về pháp luật tố tụng**:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh V, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị T và anh V không có đăng ký kết hôn, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh V, yêu cầu nuôi con, nên phát sinh tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị T và anh V là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*".

Trong thời gian chung sống thì anh, chị phát sinh mâu thuẩn trầm trọng, do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp, đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay nhưng không hàn gắn được. Tại phiên tòa chị T cương quyết ly hôn với anh V, nhưng anh V không đồng ý ly hôn. Do chị T và anh V không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung:**

Anh V thống nhất giao cháu Mỹ N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu. Chị T thống nhất giao cháu Đăng K cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng cho con do anh V không có yêu cầu. Việc thỏa thuận nuôi con chung nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[4] **Về tài sản chung**: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về nợ chung**: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị Phan Thị Trường T phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Trường T và anh Đỗ Văn V.

2/ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Phan Thị Trường T và anh Đỗ Văn V.

Giao cháu Đỗ Phan Mỹ N, sinh ngày 16/9/2012 cho chị Phan Thị Trường T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Văn V không phải cấp dưỡng cho cháu Mỹ N do chị Trường T không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Giao cháu Đỗ Phan Đăng K, sinh ngày 04/3/2016 cho anh Đỗ Văn V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trường T không phải cấp dưỡng cho cháu Đăng K do anh V không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị Phan Thị Trường T và anh Đỗ Văn V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Phan Thị Trường T và anh Đỗ Văn V không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T hoặc anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị T hoặc anh V.

3/ Về án phí: Chị Phan Thị Trường T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2018-0008270 ngày 09/01/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2020).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã T, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**